

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2022**

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sau đây gọi tắt là Nghị định số 71);

Thực hiện Kế hoạch số 618/KH-BGDĐT ngày 28/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở giai đoạn 1 (2020-2025);

Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (sau đây viết tắt là giáo viên) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2022, như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

1. Thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo quy định tại Nghị định số 71 của Chính phủ, Kế hoạch số 618/KH-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên, điều kiện thực tế của địa phương, đồng thời đạt các chỉ tiêu đào tạo nâng trình độ chuẩn giai đoạn 1 (2020-2025) theo quy định.

2. Làm căn cứ để Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chỉ đạo, cử giáo viên đi đào tạo nâng trình độ chuẩn theo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

#### **II. CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA GIÁO VIÊN NĂM 2022**

- Trên 45% trong tổng số giáo viên tiểu học thuộc đối tượng cần nâng trình độ chuẩn được đào tạo đi đào tạo chương trình đại học (*tương ứng cử 635 người, gồm các môn Giáo dục Tiểu học 597 người, Sư phạm Tiếng Anh 33 người, Sư phạm Tin học 05 người*).

- Trên 58% trong tổng số giáo viên trung học cơ sở thuộc đối tượng cần nâng trình độ chuẩn được đào tạo đi đào tạo chương trình đại học (*tương ứng với 214 giáo viên, gồm các ngành sư phạm: Tiếng Anh 42 người, Tin học 10 người, Toán học 68 người, Ngữ văn 94 người*).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

#### **III. ĐỐI TƯỢNG, NGUYÊN TẮC**

##### **1. Đối tượng thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo**

- Giáo viên tiểu học chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên tiểu học hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 08 năm công tác (96

tháng) đối với giáo viên có trình độ trung cấp, còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đối với giáo viên có trình độ cao đẳng đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định (trừ các trường hợp đã có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định).

- Giáo viên trung học cơ sở chưa có bằng cử nhân thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc chưa có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm trở lên, tính từ ngày 01/7/2020 còn đủ 07 năm công tác (84 tháng) đến tuổi được nghỉ hưu theo quy định (trừ các trường hợp đã có quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt nghỉ hưởng chính sách tinh giản biên chế theo quy định).

## **2. Nguyên tắc thực hiện kế hoạch**

Việc xác định đối tượng giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo phải đảm bảo đúng độ tuổi, trình độ đào tạo của giáo viên và theo tiêu chí nêu tại điểm 3, mục III Kế hoạch này; không để xảy ra tình trạng thiếu giáo viên giảng dạy; phải bảo đảm khách quan, công khai, công bằng, hiệu quả và đảm bảo phù hợp với thực trạng đội ngũ giáo viên và điều kiện của các cơ sở giáo dục, địa phương.

## **3. Tiêu chí cử giáo viên đi đào tạo nâng chuẩn trình độ được đào tạo**

Việc cử giáo viên đi đào tạo nâng chuẩn thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Giáo viên còn đủ tối thiểu năm công tác tính đến tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP tham gia đào tạo trước.
- b) Lãnh đạo, quản lý và quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập và tương đương.
- c) Giáo viên làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- d) Giáo viên là con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con của Anh hùng Lực lượng vũ trang, con của Anh hùng Lao động, người dân tộc thiểu số.

## **IV. CƠ SỞ ĐÀO TẠO, KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Cơ sở đào tạo**

Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho Trường Đại học Tân Trào thực hiện việc đào tạo, liên kết đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh năm 2022.

### **2. Kinh phí thực hiện**

Thực hiện theo Điều 9, Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Là cơ quan thường trực giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo việc tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Chủ động rà soát và tham mưu cho UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu phát triển và điều kiện thực tiễn của tỉnh.
- Chủ trì, phối hợp với Trường Đại học Tân Trào và các cơ quan, đơn vị lựa chọn cơ sở giáo dục đại học để thực hiện liên kết đào tạo đối với những ngành đào tạo Trường Đại học Tân Trào chưa được cấp có thẩm quyền cho phép đào tạo.
- Tổng hợp, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên hằng năm theo quy định hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Căn cứ Kế hoạch này lập danh sách cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo nâng trình độ chuẩn năm 2022 đảm bảo đúng đối tượng, chỉ tiêu gửi Trường Đại học Tân Trào trước ngày 25/01/2022 để tổ chức việc đào tạo, liên kết đào tạo, xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo cho giáo viên trình Sở Tài chính thẩm định.
- Thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho giáo viên thuộc thẩm quyền quản lý đã được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo Kế hoạch hằng năm của tỉnh đúng quy định; hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định.
- Phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tuyên truyền việc tổ chức thực hiện và kết quả thực hiện Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Kế hoạch này.

## **2. Trường Đại học Tân Trào**

- Tổ chức đào tạo, liên kết đào tạo với các cơ sở giáo dục đại học đã được cơ quan được giao nhiệm vụ lựa chọn để thực hiện liên kết đào tạo (*quy định tại Mục 1, Phần V của Kế hoạch này*) để tổ chức đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên theo Kế hoạch này và 01 giáo viên môn Địa lý của huyện Chiêm Hoá thuộc Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 31/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa thực hiện trong năm 2021 đảm bảo số lượng, chất lượng theo quy định.
- Chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ đào tạo cho giáo viên đi đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo hằng năm trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo giáo viên theo đúng quy định.
- Chuẩn bị các điều kiện về chương trình, tài liệu, học liệu; cơ sở vật chất, trang thiết bị; đội ngũ giảng viên và các điều kiện khác để tổ chức đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên theo kế hoạch.
- Xác định các hình thức học tập linh hoạt, phù hợp để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên vừa học, vừa làm; có phương án dự phòng trước các tình huống như thiên tai, dịch bệnh để đảm bảo thực hiện đúng Kế hoạch.

## **3. Sở Nội vụ**

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan theo dõi, hướng dẫn, thực hiện các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

## **4. Sở Tài chính**

- Thẩm định dự toán kinh phí, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên năm 2022 theo quy định.

- Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện thanh quyết toán kinh phí tổ chức đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo và thực hiện các chế độ, chính sách đối với giáo viên được cử đi đào tạo đảm bảo đúng quy định.

### **5. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

- Căn cứ Kế hoạch này lập danh sách cử viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đăng ký dự tuyển đào tạo nâng trình độ chuẩn năm 2022 đảm bảo đúng đối tượng và chỉ tiêu gửi Trường Đại học Tân Trào, Sở Giáo dục và Đào tạo trước ngày 25/01/2022 để tổ chức việc đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên.

- Báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này và xây dựng Kế hoạch đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở năm 2023 gửi Sở Giáo dục và Đào tạo trước 15/11/2022 để tổng hợp, xây dựng Kế hoạch đào tạo nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở của tỉnh Tuyên Quang cho năm kế tiếp.

- Theo dõi, đôn đốc và phối hợp với Trường Đại học Tân Trào để quản lý giáo viên đi đào tạo thuộc thẩm quyền quản lý đảm bảo đúng đối tượng, chỉ tiêu và tiến độ theo Kế hoạch.

- Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý thực hiện các chế độ, chính sách cho giáo viên theo quy định.

### **6. Đơn vị sử dụng giáo viên**

- Bố trí, sắp xếp công việc của giáo viên được cử đi đào tạo nâng trình độ chuẩn phù hợp để tạo điều kiện cho giáo viên vừa làm, vừa học.

- Đảm bảo chế độ, chính sách cho giáo viên theo đúng quy định.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên năm 2022, các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này bảo đảm đạt mục tiêu đã đề ra. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kịp thời báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đề xuất) để xem xét, giải quyết./.

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị được giao NV tại KH;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh VP UBND tỉnh;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- TP Nội chính; KGVX (Bắc);
- Lưu: VT, NC (Thg).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Việt Phương**

**BIỂU CHỈ TIÊU ĐÀO TẠO NÂNG TRÌNH ĐỘ CHUẨN  
ĐƯỢC ĐÀO TẠO CỦA GIÁO VIÊN NĂM 2022**

(Kèm theo Kế hoạch số 02 /KH-UBND ngày 10 /01/2022 của UBND tỉnh)

| <b>Trình độ,<br/>ngành đào<br/>tạo</b>          | <b>Huyện<br/>Lâm<br/>Bình</b> | <b>Huyện<br/>Na<br/>Hang</b> | <b>Huyện<br/>Chiêm<br/>Hoá</b> | <b>Huyện<br/>Hàm<br/>Yên</b> | <b>Huyện<br/>Yên<br/>Sơn</b> | <b>Huyện<br/>Sơn<br/>Dương</b> | <b>Thành<br/>phố<br/>Tuyên<br/>Quang</b> | <b>Sở<br/>Giáo<br/>dục và<br/>Đào tạo</b> | <b>Tổng<br/>số</b> |
|-------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------|-------------------------------------------|--------------------|
| Đại học<br>Giáo dục<br>Tiểu học                 | 32                            | 77                           | 145                            | 94                           | 90                           | 107                            | 52                                       |                                           | <b>597</b>         |
| Đại học Sư<br>phạm Tiếng<br>Anh cấp tiểu<br>học | 2                             | 1                            | 8                              | 3                            | 1                            | 12                             | 6                                        |                                           | <b>33</b>          |
| Đại học Sư<br>phạm Tiếng<br>Anh cấp<br>THCS     | 1                             | 4                            | 12                             | 4                            | 2                            | 16                             | 3                                        |                                           | <b>42</b>          |
| Đại học Sư<br>phạm Tin<br>học cấp tiểu<br>học   | 1                             | 1                            |                                |                              |                              | 3                              |                                          |                                           | <b>5</b>           |
| Đại học Sư<br>phạm Tin<br>học cấp<br>THCS       | 1                             | 5                            | 1                              | 1                            | 1                            |                                | 1                                        |                                           | <b>10</b>          |
| Đại học Sư<br>phạm Toán<br>học                  | 6                             | 8                            | 17                             | 5                            |                              | 25                             | 6                                        | 1                                         | <b>68</b>          |
| Đại học Sư<br>phạm Ngữ<br>văn                   | 6                             | 7                            | 23                             | 4                            | 2                            | 44                             | 4                                        | 4                                         | <b>94</b>          |
| <b>Tổng cộng</b>                                | <b>49</b>                     | <b>103</b>                   | <b>206</b>                     | <b>111</b>                   | <b>96</b>                    | <b>207</b>                     | <b>72</b>                                | <b>5</b>                                  | <b>849</b>         |
| <b>Cấp Tiểu<br/>học</b>                         | 35                            | 79                           | 153                            | 97                           | 91                           | 122                            | 58                                       |                                           | 635                |
| <b>Cấp THCS</b>                                 | 14                            | 24                           | 53                             | 14                           | 5                            | 85                             | 14                                       | 5                                         | 214                |